

Số: /STP-BT&HCTP

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai Nghị định số  
18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Minh Hùng tại Công văn số 644/VP-NC ngày 17/01/2026 về việc triển khai Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2026/NĐ-CP), để triển khai thống nhất, hiệu quả các quy định của Nghị định số 18/2026/NĐ-CP trên địa bàn thành phố, Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện một số nội dung sau:

**1.** Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị định số 18/2026/NĐ-CP tới đội ngũ cán bộ, công chức và toàn thể Nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp. Theo đó, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính bằng việc khai thác hoặc sử dụng thông tin tương ứng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành: không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố theo Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ đối với các thủ tục hành chính nói chung.

**2.** Chỉ đạo các Phòng, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc nội dung của văn bản, tập trung vào các việc cụ thể sau:

*a. Đối với lĩnh vực hộ tịch*

- Thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu có liên quan để thay thế thành phần hồ sơ theo quy định; hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân nộp, xuất trình giấy tờ bản giấy khi đã có dữ liệu:

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch có trách nhiệm xuất trình bản chính của một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị

sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân khi làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch; trường hợp giấy tờ tùy thân sử dụng là: Hộ chiếu, Thẻ căn cước, Căn cước công dân, Giấy chứng nhận căn cước thì chỉ cần cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày tháng năm cấp) hoặc số định danh cá nhân, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu thông tin thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu khác có liên quan để đối chiếu, khai thác dữ liệu (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 13 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký hộ tịch yêu cầu người đi đăng ký hộ tịch xuất trình bản chính giấy tờ để chứng minh, đồng thời đề nghị người đi đăng ký hộ tịch cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ/đã có chồng nhưng đã ly hôn tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền hoặc vợ/chồng đã chết và đã đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thì người yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin về giấy tờ (cơ quan cấp/đăng ký, số, ngày tháng năm ban hành Bản án/Quyết định ly hôn/Giấy chứng tử/Trích lục khai tử); nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì cung cấp thông tin tương ứng của Trích lục ghi chú ly hôn; cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu, khai thác thông tin của các giấy tờ này thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 13 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

+ Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh, kết hôn, khai tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tất cả giấy tờ, tài liệu có nội dung liên quan đến việc đăng ký lại. Trường hợp giấy tờ, tài liệu là giấy tờ hộ tịch hoặc giấy tờ cá nhân thuộc nhóm giấy tờ có thể được thay thế bằng dữ liệu (giấy tờ tùy thân; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Thẻ bảo hiểm y tế) thì cung cấp các thông tin về giấy tờ, tài liệu đó theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu, khai thác thông tin, giấy tờ, tài liệu đó thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác có liên quan (theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 13 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì ngoài các giấy tờ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày tháng năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý. Trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch khai thác được những thông tin này thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức thì người yêu cầu không phải nộp văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

- Thực hiện đúng quy định về trình tự, thời hạn giải quyết đăng ký lại khai sinh, đăng ký lại kết hôn và các nội dung sửa đổi, bổ sung khác theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP:

+ Trường hợp đăng ký lại khai sinh, đăng ký lại kết hôn: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh, đăng ký lại kết hôn là đúng theo quy định của pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 18 của Luật Hộ tịch.

+ Nếu việc đăng ký lại khai sinh, đăng ký lại kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đã đăng ký trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện tra cứu thông tin về việc đăng ký khai sinh, kết hôn trước đây của người yêu cầu trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua nghiệp vụ cấp bản sao, kết quả tra cứu là căn cứ xác định đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện đăng ký lại.

#### *b. Đối với lĩnh vực nuôi con nuôi*

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy định: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 14 Nghị định 18/2026/NĐ-CP).

- Chủ động khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác để giảm thành phần hồ sơ cho người dân:

+ Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác thì người nhận con nuôi không phải nộp thành phần hồ sơ là Hộ chiếu, Thẻ căn cước, Căn cước công dân, Phiếu lý lịch tư pháp, Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy khám sức khỏe, Giấy chứng tử của cha, mẹ đẻ của trẻ em mồ côi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 17, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi yêu cầu người nhận con nuôi bổ sung thành phần hồ sơ; đồng thời đề nghị người nhận con nuôi cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật (*theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 14 Nghị định 18/2026/NĐ-CP*).

- Thực hiện đúng quy định về thời hạn giải quyết đã được rút ngắn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP:

+ Đối với Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi tạm trú khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.

+ Thời gian lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi trong nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi từ “trong thời hạn 10 ngày” thành “trong thời hạn 08 ngày làm việc”.

+ Thời gian những người liên quan được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi từ “trong thời hạn 15 ngày” thành “trong thời hạn 10 ngày làm việc”.

*c. Đối với lĩnh vực chứng thực*

- Về việc tiếp nhận hồ sơ chứng thực: Không yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp, xuất trình bản chính thức hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu mà các thông tin trong các giấy tờ, tài liệu đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố (theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 8 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

- Về khai thác, sử dụng dữ liệu: Người thực hiện chứng thực khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật (theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Ngoài việc triển khai các quy định nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện triển khai việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính bằng việc khai thác hoặc sử dụng thông tin tương ứng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo tinh thần Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ khi giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện./.

*(Gửi kèm Công văn này toàn văn Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- UBNDTP (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, P.BT&HCTP, PLTT(A1B2).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Vi**